

CƠ CHẾ ĐỊNH GIÁ CARBON KẾT HỢP VÀ MỘT SỐ GỢI MỞ CHO PHÁP LUẬT VIỆT NAM

ThS LÊ MINH NHỰT⁽¹⁾; GS-TS NGUYỄN HỒNG THAO⁽²⁾;
ThS TRẦN QUANG HUY⁽³⁾

Khoa Luật Quốc tế, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh
Faculty of International Law, Ho Chi Minh City University of Law

Email: (1) lmnhut@hcmulaw.edu.vn; (2) nhthao@hcmulaw.edu.vn; (3) tqhuy@hcmulaw.edu.vn

Tóm tắt

Bài viết này tổng hợp kinh nghiệm quốc tế về xây dựng mô hình định giá carbon kết hợp giữa thuế carbon và thị trường carbon. Từ đó, bài viết gợi mở các giải pháp xây dựng mô hình định giá kết hợp phù hợp với pháp luật Việt Nam. Bài viết đã chỉ ra rằng việc xây dựng mô hình định giá carbon kết hợp ở Việt Nam cần phải tuân thủ hai nguyên tắc chủ đạo đó là nguyên tắc chống điều chỉnh hai lần và nguyên tắc thiết lập giá thống nhất. Qua đó, bài viết hướng đến những giải pháp chỉ tiết để thực hiện các nguyên tắc vừa nêu.

Từ khóa: định giá carbon, thị trường carbon, thuế carbon, MRV

Abstract

This article examines the principles for establishing a hybrid carbon pricing system in Vietnam, also known as a hybrid system. On this basis, the authors propose solutions for establishing a hybrid system in Vietnam. The authors find that the establishment of the hybrid system has to respect two principles, which are double regulation avoidance and uniform price. Furthermore, the article explores solutions to implement the mentioned principles in Vietnam.

Keywords: carbon pricing, carbon market, carbon tax, MRV

DOI: <https://doi.org/10.70236/khplvn.448>

Ngày nhận bài: 30/06/2025

Ngày duyệt đăng: 15/10/2025

Cắt giảm phát thải khí nhà kính (KNK) là một trong những nghĩa vụ quan trọng của không chỉ các quốc gia phát triển, mà cả các quốc gia đang phát triển. Ý kiến tư vấn của Tòa án Công lý quốc tế của Liên hợp quốc ngày 23/7/2025 đã khẳng định tất cả các quốc gia đều có nghĩa vụ ngăn ngừa thiệt hại nghiêm trọng đối với môi trường và phải hợp tác một cách thiện chí để ngăn chặn biến đổi khí hậu.¹ Các quốc gia có trách nhiệm thực hiện các biện pháp thích đáng, đáng kể, nhanh chóng và bền vững nhằm giảm lượng khí thải nhà kính, hoàn thành các cam kết quốc gia và qua đó đưa khí thải nhà kính về Net Zero, một mục tiêu của toàn thể loài người, bất kể các quốc gia là thành viên hay không là thành viên của các công ước quốc tế về môi trường và biến đổi khí hậu.

Việt Nam đang trong quá trình đẩy mạnh các hoạt động cắt giảm phát thải KNK để hoàn thành mục tiêu được đề ra trong bản Cam kết quốc gia tự đóng góp (*Nationally Determined Contribution, NDC*).² Trong đó, Việt Nam đã lựa chọn thị trường carbon làm một trong những phương pháp định giá carbon để hoàn thành mục tiêu trên.³ Tuy nhiên, mô hình này đặt ra một số thách thức về việc ổn định giá

* Bài viết nằm trong khuôn khổ đề tài được thực hiện bằng nguồn kinh phí hỗ trợ từ Chương trình Vườn ươm Khoa học và Công nghệ trẻ, được quản lý bởi Trung tâm Phát triển khoa học và công nghệ trẻ – Thành Đoàn Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, theo hợp đồng số “33/2024/HĐ-KHCNT-VU”.

1 Advisory Opinion: Obligations of States in Respect of Climate Change, 23/7/2025, International Court of Justice, tr. 196, 230 – 254, <https://www.icj-cij.org/sites/default/files/case-related/187/187-20250723-adv-01-00-en.pdf>, truy cập ngày 27/7/2025.

2 *Vietnam Nationally Determined Contribution (Updated in 2022)*, Hà Nội, 2022, tr. 1 – 5.

3 Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; *Vietnam Nationally Determined Contribution (Updated in 2022)*, Hà Nội, 2022, tr. 27.

carbon.⁴ Bên cạnh đó, mô hình này cũng không thể được áp dụng rộng rãi mà chỉ tập trung vào một số lĩnh vực, ngành nghề đặc thù, dẫn đến khả năng xảy ra hiện tượng chuyển dịch phát thải KNK.⁵

Mô hình định giá carbon kết hợp giữa thị trường carbon và thuế carbon là một trong những giải pháp cho vấn đề nêu trên.⁶ Tuy nhiên, việc áp dụng cơ chế kết hợp có thể gây ra một số hiệu ứng ngược như làm tăng chi phí cắt giảm phát thải KNK cho doanh nghiệp, tạo ra hiện tượng sai lệch về tín hiệu giá carbon.⁷ Vì lý do đó, bài viết này tiến hành nghiên cứu, tổng hợp kinh nghiệm của các quốc gia, khu vực đã phát triển mô hình kết hợp giữa thị trường carbon và thuế carbon, cụ thể là Liên minh châu Âu, Vương quốc Anh, Indonesia, Nhật Bản, Thụy Sĩ, Mexico. Từ đó, bài viết hướng đến việc phân tích các nguyên tắc cơ bản mà Việt Nam cần phải tuân thủ khi thiết lập mô hình định giá carbon kết hợp.

1. Nguyên tắc tránh điều chỉnh hai lần

Điều chỉnh hai lần trong phạm vi của bài viết được hiểu là hiện tượng xảy ra khi một lượng KNK được điều chỉnh bởi cả thị trường carbon và thuế carbon cùng một lúc, dẫn đến việc doanh nghiệp sẽ phải chi trả chi phí hai lần để cắt giảm cùng một lượng KNK.⁸ Hiện tượng điều chỉnh hai lần này sẽ làm tăng chi phí cắt giảm phát thải KNK trong mô hình kết hợp, cùng với đó là làm suy giảm hiệu quả cắt giảm phát thải KNK của mô hình này, đặc biệt đối với các doanh nghiệp có mức độ tiêu thụ cao.⁹ Ngoài ra, nhiều hệ lụy về mặt kinh tế cũng sẽ phát sinh do sự tác động của hiện tượng điều chỉnh hai lần. Cụ thể, doanh nghiệp có thể bị suy giảm khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp

4 Ali Akkemik, Jorge Tavares Borges, Phuong Thao Dang, “Assessing carbon tax using a CGE model with firm heterogeneity: An application to Vietnam”, *Journal of Environmental Management*, Vol. 365, 2024, DOI: <https://doi.org/10.1016/j.jenvman.2024.121585>; Phuong Thao Nguyen, “Simulating the environmental and economic effects of a carbon tax in Vietnam: A static computable general equilibrium analysis”, *Management of Environmental Quality: An International Journal*, Vol. 34(6), 2023, tr. 1662 – 1665, DOI: <https://doi.org/10.1108/MEQ-01-2023-0001>

5 Stefano F. Verde, Isabella Alloisio and Simone Borghesi, “The EU ETS and its companion policies: Any insight for China’s ETS?”, *Environment and Development Economics*, Vol. 26(3), 2021, tr. 310 – 311, DOI: <https://doi.org/10.1017/S1355770X20000595>

6 Jingjing Pan, Jamie L. Cross, Xiaomin Zou, Bo Zhan, “To tax or to trade? A global review of carbon emissions reduction strategies”, *Energy Strategy Review*, Vol. 55, 2024, tr. 11 – 12, DOI: <https://doi.org/10.1016/j.esr.2024.101508>; Svante Mandell, “Optimal mix of emissions taxes and cap-and-trade”, *Journal of Environmental Economics and Management*, Vol. 56, 2008, tr. 140, DOI: <https://doi.org/10.1016/j.jeem.2007.12.004>; Yongqiang Zhang, Lingli Qi, Xinyue Lin, Haoran Pan, Basil Sharp, “Synergistic effect of carbon ETS and carbon tax under China’s peak emission target: A dynamic CGE analysis”, *Science of the Total Environment*, Vol. 825, 2022, tr. 8 -9, DOI: <https://doi.org/10.1016/j.scitotenv.2022.154076>; Zhe Zhang, Aizhen Zhang, Daoping Wang, Aijun Li, Huixuan Song, “How to improve the performance of carbon tax in China?”, *Journal of Cleaner Production*, Vol. 142(4), 2017, DOI: <https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2016.11.078>; Thang Nam Do, Paul J. Burke, “Carbon pricing in Vietnam: Options for adoption”, *Energy and Climate Change*, Vol. 2, 2021, DOI: <https://doi.org/10.1016/j.egycc.2021.100058>

7 Tín hiệu giá các-bon (*carbon price signal*): Là cách mà những thông tin về sự thay đổi giá của các-bon được đưa đến các doanh nghiệp đang tham gia vào thị trường các-bon, có khả năng tác động đến hoạt động đầu tư, mua bán hạn ngạch/tín chỉ các-bon của doanh nghiệp (European Environment Agency, “Price Signal”, <https://www.icj-cij.org/sites/default/files/case-related/187/187-20250723-adv-01-00-en.pdf>)

8 Yingyin Zeng, “Indirect double regulation and the carbon ETSs linking: The case of coal-fired generation in the EU and China”, *Energy Policy*, Vol. 111, 2017, tr. 268 – 269, DOI: <https://doi.org/10.1016/j.enpol.2017.09.038>

9 Yingyin Zeng, *tldd*, tr. 273; Hanting Wang, Yuxuan Li and Guoqin Bu, “How carbon trading policy should be integrated with carbon tax policy – Laboratory evidence from a model of the current state of carbon pricing policy in China”, *Environmental Science and Pollution Research*, Vol. 30, 2023, tr. 23861, DOI: <https://doi.org/10.1007/s11356-022-23787-y>

khác do sự tăng lên về mặt chi phí sản xuất.¹⁰ Bên cạnh đó, lượng giảm phát thải KNK đạt được thông qua mô hình kết hợp cũng sẽ không có sự chênh lệch quá cao so với mô hình riêng lẻ khi phải chịu tác động của hiện tượng điều chỉnh hai lần. Bởi lẽ, mô hình định giá carbon kết hợp trong trường hợp trên vẫn điều chỉnh cùng một lượng KNK so với các mô hình đơn lẻ. Điều này làm cho quốc gia không thể đạt được mục tiêu ban đầu khi thiết lập mô hình kết hợp, đó là tạo ra một cơ chế có khả năng đạt hiệu quả về kinh tế và cắt giảm phát thải cao hơn so với mô hình định giá carbon riêng lẻ. Vì những lý do trên, một trong những nguyên tắc đầu tiên mà quốc gia cần phải lưu ý khi xây dựng mô hình định giá kết hợp là tránh hiện tượng điều chỉnh hai lần.

Dựa trên nguyên nhân chủ đạo dẫn đến hiện tượng điều chỉnh hai lần, hiện đang có một số giải pháp khắc phục. Đầu tiên, đó chính là tạo ra sự phân biệt giữa thuế carbon và thị trường carbon để loại bỏ hoàn toàn việc điều chỉnh hai lần. Cụ thể, nhà nước cần tách bạch phạm vi điều chỉnh của từng cơ chế. Những chủ thể nào chịu tác động của thuế carbon sẽ không phải chịu tác động bởi thị trường carbon và ngược lại.¹¹ Khi đó, các doanh nghiệp chỉ phải chịu tác động của một cơ chế định giá carbon duy nhất và tránh được hiện tượng điều chỉnh hai lần.

Trong thực tiễn quy định pháp luật, Nhật Bản, Liên minh châu Âu (*European Union*, EU) đã xây dựng các quy định pháp luật để phân biệt giữa phạm vi áp dụng của thuế carbon và thị trường carbon.¹² Cụ thể, EU cho phép các quốc gia thành viên được loại trừ các doanh nghiệp đang bị điều chỉnh bởi thị trường carbon khỏi sự tác động của thuế carbon.¹³ Trong khi đó, Nhật Bản áp dụng theo nguồn gốc của KNK. KNK được thải ra trong quá trình sản xuất thì sẽ chịu điều chỉnh bởi thuế carbon. Đối với KNK được thải ra trong quá trình sử dụng, tiêu hủy sản phẩm thì sẽ chịu điều chỉnh bởi thị trường carbon.¹⁴

Nhìn chung, EU và Nhật Bản có hai cách tiếp cận khác nhau; mỗi cách đều có những ưu điểm và khuyết điểm riêng. Cách tiếp cận của EU sẽ đơn giản hơn do quốc gia chỉ cần quy định rõ ràng những loại doanh nghiệp nào sẽ được miễn trừ thuế carbon. Tuy nhiên, điều này lại làm cho thuế carbon và thị trường carbon trở thành hai cơ chế được áp dụng một cách riêng lẻ. Trong khi đó, những lợi ích của cơ chế định giá kết hợp, như việc ổn định giá carbon, lại đến từ sự tương tác giữa thuế carbon và thị trường carbon. Theo đó, cách tiếp cận của EU không phù hợp để đạt được các mục tiêu của cơ chế định giá kết hợp. Nhật Bản, chọn hướng điều chỉnh theo từng nguồn thải ra của KNK. Điều này đồng nghĩa với việc một doanh nghiệp vẫn có thể chịu tác động của thuế carbon lẫn thị trường carbon. Tuy nhiên, phương pháp này đã loại trừ được việc cùng một lượng KNK bị điều chỉnh trùng lặp và loại bỏ hiện tượng điều chỉnh hai lần. Điểm khó khăn khi áp dụng phương pháp này là yêu cầu về thực

10 J. P. M. Sijm, A. W. N. van Dril, *The interaction between the EU emissions trading scheme and energy policy instruments in the Netherlands: Implications of the EU Directive for Dutch climate policies*, Research funded by the European Commission under the Project "Interaction in EU Climate Policy", 2003, tr. 87, <https://publications.tno.nl/publication/34628310/X0ye31/c03060.pdf>, truy cập ngày 29/7/2025; Ian W. H. Parry, Mr. Simon Black, and Karlygash Zhunussova, "Carbon taxes or emissions trading systems?: Instrument choice and design", *Staff Climate Notes*, Vol. 2022(006), 2022, DOI: <https://doi.org/10.5089/9798400212307.066>; Yingyin Zeng, *tlđđ*, tr. 273.

11 Bo Zhang, Mingyan He, Haoran Pan, "A study on the design of a hybrid policy for carbon abatement", *Chinese Journal of Population Resources and Environment*, Vol. 15(1), 2017, DOI: <https://doi.org/10.1080/10042857.2016.1258804>

12 Le Minh Nhut, Nguyen Hong Thao, Nguyen Chinh Quang, Phung Hong Thanh, "Carbon market and Vietnam's legal framework choice for greenhouse gas mitigation measures", *Hội thảo quốc tế Thị trường carbon: Kinh nghiệm quốc tế và khuyến nghị cho Việt Nam*, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, 2025, tr. 04.

13 Điều 15 Chỉ thị số 2003/96/EC ngày 27/10/2003 về điều chỉnh khung pháp lý về thuế năng lượng và điện.

14 Điều 4 Luật Thuế xăng dầu và năng lượng của Nhật Bản.

hiện kiểm kê KNK. Bởi lẽ, doanh nghiệp sẽ phải truy dấu carbon chi tiết hơn để xác định được nguồn carbon và áp dụng cơ chế định giá carbon phù hợp. Từ đó, doanh nghiệp có thể phải đối mặt với chi phí quản lý cao hơn do tiêu chuẩn về kiểm kê tăng cao và làm giảm hiệu quả về mặt kinh tế của cơ chế định giá kết hợp.

Cách tiếp cận thứ hai là không loại trừ hoàn toàn việc điều chỉnh hai lần, mà hạn chế các tác động về mặt kinh tế của điều chỉnh hai lần lên doanh nghiệp. Cụ thể, quốc gia có thể đưa ra các biện pháp hỗ trợ về mặt kinh tế như đưa ra các mức thuế ưu đãi, miễn thuế dành cho doanh nghiệp đang bị điều chỉnh bởi thị trường carbon.¹⁵ Trong thực tiễn quốc tế, phương pháp này đã được áp dụng bởi Indonesia, Vương quốc Anh và Thụy Sĩ. Indonesia và Thụy Sĩ lựa chọn cung cấp mức thuế carbon ưu đãi cho các doanh nghiệp đang chịu sự tác động của thị trường carbon. Vương quốc Anh, xây dựng một cơ chế cho các doanh nghiệp được điều chỉnh bởi thị trường carbon.¹⁶ Trong đó, doanh nghiệp được quyền đăng ký mục tiêu cắt giảm phát thải KNK và sẽ nhận được mức thuế carbon ưu đãi tương đương với lượng KNK mà doanh nghiệp đã cắt giảm.¹⁷

Về tổng quan, cách tiếp cận thứ hai này đảm bảo được yếu tố cốt lõi của mô hình định giá kết hợp, đó chính là sự phối hợp, tương tác qua lại giữa thuế carbon và thị trường carbon. Bên cạnh đó, cách tiếp cận này cũng góp phần làm giảm tác động tiêu cực lên hiệu quả về mặt kinh tế do hiện tượng điều chỉnh hai lần gây ra.

Riêng Indonesia và Thụy Sĩ, có cách tiếp cận có phần đơn giản, khi cho phép các doanh nghiệp đang thuộc sự điều chỉnh của thị trường carbon có thể được miễn, giảm thuế carbon mà không cần thêm bất kỳ điều kiện bổ sung nào. Trong khi đó, Vương quốc Anh lại lựa chọn một cách tiếp cận có phần phức tạp hơn. Đối lại, cách áp dụng của Vương quốc Anh có thể đạt được hiệu quả cao hơn về mặt cắt giảm phát thải KNK. Bởi lẽ, việc áp các mức thuế carbon ưu đãi đã đi kèm với việc doanh nghiệp phải thực hiện hoạt động cắt giảm phát thải KNK trên thực tế. Cùng với đó, chính cách áp dụng này của Anh có thể tạo ra xu hướng đầu tư vào các dự án phát thải thấp của doanh nghiệp cao hơn so với việc áp thuế carbon như bình thường. Doanh nghiệp vừa đạt được giảm phát thải, vừa được hưởng thuế carbon ưu đãi, đồng nghĩa với áp lực về tài chính do thuế carbon gây ra trên doanh nghiệp sẽ được giảm đi đáng kể. Tuy nhiên, cách áp dụng của Anh cũng có một số điểm đáng lưu ý. Trước hết, phương pháp của Anh cũng đặt ra yêu cầu cao hơn đối với hoạt động đo đạc, kiểm kê KNK. Đây là cách để xác định doanh nghiệp có hoàn thành hay không nghĩa vụ cắt giảm phát thải KNK như đã cam kết. Bên cạnh đó, việc đặt thêm những nghĩa vụ bổ sung cho doanh nghiệp để đạt được mức thuế carbon ưu đãi cũng làm tăng chi phí quản lý.¹⁸ Một điểm nữa cần phải quan tâm, đó chính là hiệu quả cắt giảm phát thải KNK của cơ chế do Anh xây dựng vẫn chưa được chứng minh rõ ràng.¹⁹ Do đó, trong thời điểm hiện tại, cách tiếp cận của Anh để giải quyết vấn đề điều chỉnh trùng lặp đang có phần phức tạp không cần thiết. Dẫu vậy, đây vẫn là một cơ chế đáng xem xét và tham khảo vì tiềm năng của cơ chế này là vô cùng lớn.

15 Yingyin Zeng, Yingyin Zeng, *tlđđ*, tr. 277 – 278; J. P. M. Sijm, A. W. N. van Dril, *tlđđ*, tr. 87.

16 Điều 13 (13) Luật về hài hòa hóa các quy định về thuế; Điều 17, 32A Đạo luật về giảm phát thải khí nhà kính.

17 Đoạn 44 – 52, mục 6, Đạo luật Tài chính năm 2000.

18 Morakinyo Adetutu, Eleni Stathopoulou, “Information asymmetry in voluntary environmental agreements: Theory and evidence from UK climate change agreements”, *Oxford Economic Papers*, Vol. 73(2), 2021, tr. 667 – 668, DOI: <https://doi.org/10.1093/oep/gpaa018>

19 Kentaro Florian Mayr, Paolo Agnolucci, “Heterogeneous impacts in voluntary agreements: A changes-in-changes approach to the UK climate change agreements”, *Environmental and Resource Economics*, Vol. 86, 2023, tr. 369 – 371, DOI: <https://doi.org/10.1007/s10640-023-00797-z>

Việt Nam có thể tham khảo một số nội dung như sau để có thể tuân thủ nội dung của nguyên tắc tránh điều chỉnh hai lần trong quá trình xây dựng cơ chế định giá kết hợp. Đầu tiên, Việt Nam nên lựa chọn các biện pháp để làm giảm tác động tiêu cực của điều chỉnh hai lần tương tự như Thụy Sĩ, Indonesia và Vương quốc Anh. Bởi lẽ, các cách thức tiếp cận này có thể đảm bảo rằng thuế carbon và thị trường carbon vẫn tương tác và đảm bảo được hiệu quả của cơ chế định giá kết hợp. Bên cạnh đó, phương pháp này cũng được áp dụng bởi Indonesia, một quốc gia Đông Nam Á và có đặc điểm kinh tế, xã hội khá tương đồng với Việt Nam. Cách thức tiếp cận của Nhật Bản và EU mặc dù có phần đơn giản hơn nhưng lại làm mất đi sự tương tác giữa thuế carbon và thị trường carbon. Theo nhóm tác giả, đây là một cách tiếp cận đi ngược lại với mục đích của việc thiết lập cơ chế định giá kết hợp, chính là để hài hòa hóa cả thị trường carbon và thuế carbon thành một chính thể thống nhất.

Về triển khai áp dụng, Việt Nam nên chia ra thành từng giai đoạn với lộ trình cụ thể. Trong giai đoạn đầu, Việt Nam có thể xây dựng các quy định pháp luật giống như Indonesia và Thụy Sĩ: áp dụng miễn thuế carbon cho các doanh nghiệp được điều chỉnh bởi thị trường carbon và đã thực hiện đăng ký xin miễn thuế. Đây là cách áp dụng đơn giản và sẽ phù hợp với giai đoạn đầu khi mà Việt Nam vẫn chưa có nhiều kinh nghiệm để quản lý, kiểm soát hoạt động của cơ chế định giá kết hợp. Sau khi đã có đầy đủ kinh nghiệm vận hành, kiểm soát cơ chế định giá carbon kết hợp, Việt Nam có thể cân nhắc để ban hành các quy định mới để thiết lập một cơ chế tương tự với Vương quốc Anh. Bởi lẽ, quy định này có thể góp phần khuyến khích mạnh mẽ hơn doanh nghiệp đầu tư vào các dự án phát thải xanh, góp phần thúc đẩy lộ trình đạt được cam kết Net zero của Việt Nam.

Bên cạnh đó, song song với giai đoạn áp dụng cơ chế miễn thuế cho doanh nghiệp thuộc sự điều chỉnh của thị trường carbon, Việt Nam cần xây dựng các quy định pháp luật để nâng cao hiệu quả của hoạt động đo đạc, báo cáo và thẩm định KNK (*Measurement, Reporting and Verification, MRV*). Bởi lẽ, mục tiêu hướng đến của Việt Nam trong tương lai chính là thiết lập một cơ chế tương tự như cơ chế của Vương quốc Anh. Đây là một cơ chế đặt ra nhiều yêu cầu cho hoạt động MRV KNK. Chính vì vậy, cần phải chuẩn bị đầy đủ để có thể vận hành cơ chế này một cách trơn tru, hiệu quả nhất. Định hướng trên có thể được thực hiện thông qua đẩy mạnh các cơ chế tập huấn cho nhân sự thực hiện hoạt động MRV KNK của các cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp hay các chủ thể có nghĩa vụ thẩm tra tính chính xác của MRV KNK. Cùng với đó, phía Nhà nước cũng nên thiết lập các cơ chế mang tính thí điểm cho hoạt động MRV KNK, qua đó, tổng hợp và xây dựng các bộ tiêu chuẩn chung cho doanh nghiệp tham khảo để góp phần giúp cho doanh nghiệp tiếp cận các hoạt động MRV KNK một cách đơn giản hơn.

2. Nguyên tắc giá thống nhất

Một nguyên tắc quan trọng khác mà các quốc gia cần phải lưu ý khi xây dựng cơ chế định giá kết hợp chính là hình thành giá carbon thống nhất. Mô hình định giá carbon kết hợp hai loại giá carbon là mức thuế carbon và giá hạn ngạch/tín chỉ trên thị trường carbon, đồng nghĩa với việc có hai tín hiệu về giá carbon khác nhau. Điều này dẫn đến khả năng xuất hiện sự chòng lỉnh về tín hiệu giá carbon. Doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc dự đoán tín hiệu giá carbon để có thể đưa ra các quyết định đầu

tư phù hợp.²⁰ Bên cạnh đó, chính sự chùng lún về tín hiệu giá carbon cũng làm cho mô hình định giá carbon kết hợp không thể tận dụng được ưu điểm của thuế carbon là thiết lập một mức giá carbon ổn định. Thiết lập được một mức giá carbon thống nhất dẫn đến sự tồn tại một tín hiệu giá carbon, góp phần giải quyết được các vấn đề phát sinh từ việc trùng lập tín hiệu về giá carbon.²¹

Để thiết lập một giá carbon thống nhất, quốc gia cần phải tạo được sự kết nối giữa mức thuế carbon với giá hạn ngạch trên thị trường carbon, thông qua đó, đảm bảo rằng doanh nghiệp chịu tác động bởi một mức giá carbon tương ứng với nhau.²² Thực tiễn pháp luật của các quốc gia trên thế giới cho thấy rằng, việc thực hiện nguyên tắc giá thống nhất có sự khác biệt giữa các quốc gia khu vực. Cụ thể, Indonesia lựa chọn xây dựng mức thuế carbon bằng hoặc cao hơn so với mức giá hạn ngạch/tín chỉ, nhưng không thấp hơn 30.000 IDR/tấn.²³ Vương quốc Anh lựa chọn sử dụng thuế carbon làm giá sàn trên thị trường carbon. Các quốc gia, khu vực còn lại (EU, Thụy Sĩ, Nhật Bản) lựa chọn không xây dựng một mức giá carbon thống nhất.²⁴

Lý do một số quốc gia, khu vực lựa chọn không xây dựng một mức giá carbon thống nhất trong mô hình định giá carbon kết hợp là do họ đã thiết lập một cơ chế phân biệt rạch ròi giữa thuế carbon và thị trường carbon. Như trong trường hợp của EU, các doanh nghiệp chịu sự điều chỉnh bởi thị trường carbon sẽ không bị áp thuế carbon. Điều này làm cho việc chùng lún về tín hiệu giá không tồn tại do doanh nghiệp chỉ phải trả một loại giá carbon. Với mô hình của Nhật Bản, doanh nghiệp có thể phân biệt được tín hiệu giá đối với từng loại KNK dựa trên nguồn phát sinh, qua đó, cũng không gây ra hiện tượng chùng lún về giá. Tiếp đến, Thụy Sĩ có thể chủ động điều chỉnh tín hiệu về giá thông qua việc điều chỉnh mức thuế carbon và điều chỉnh số lượng hạn ngạch/tín chỉ trên thị trường carbon.²⁵ Do đó, việc thiết lập một mức giá thống nhất ở Thụy Sĩ là không cần thiết vì quốc gia này vẫn thiết lập được tín hiệu giá rõ ràng.

Đối với Indonesia, việc trực tiếp liên kết mức thuế carbon với giá hạn ngạch/tín chỉ đã thiết lập nên một giá carbon thống nhất trên toàn bộ cơ chế định giá kết hợp, để từ đó chỉ tồn tại một giá carbon duy nhất trên toàn bộ thị trường, chính là giá hạn ngạch/tín chỉ.²⁶ Bên cạnh đó, Indonesia cũng kết hợp cả thị trường carbon với thuế carbon thông qua việc đưa thuế carbon trở thành một chế tài trên thị trường carbon.²⁷ Tuy nhiên,

20 Rahel Mandaroux, Kai Schindelhauer, Houdou Basse Mama, "How to reinforce the effectiveness of the EU emissions trading system in stimulating low-carbon technological change? Taking stock and future directions", *Energy Policy*, Vol. 181, 2023, tr. 113708 – 113709, DOI: <https://doi.org/10.1016/j.enpol.2023.113697>

21 Daniel Rosenbloom, Jochen Markard, Frank W Geels and Lea Fuenfschilling, "Why carbon pricing is not sufficient to mitigate climate change - And how "sustainability transition policy" can help", *PNAS*, Vol. 117, 2020, tr. 8664, DOI: <https://doi.org/10.1073/pnas.2004093117>; Alex Bowen, "The case for carbon pricing: Policy brief", *Policy brief*, Grantham Research Institute on Climate Change and the Environment and ESRC Centre for Climate Change Economics and Policy LSE, 2011, tr. 1-2.

22 Andrea Baranzini, Jeroen C. J. M. van den Bergh, Stefano Carattini, Richard B. Howarth, Emilio Padilla, Jordi Roca, "Carbon pricing in climate policy: Seven reasons, complementary instruments, and political economy considerations", *WIREs Climate Change*, Vol. 8(4), 2017, tr. 10 – 11, DOI: <https://doi.org/10.1002/wcc.462>

23 Điều 13 (9) Luật về hài hòa hóa các quy định về thuế.

24 Điều 15 Chỉ thị số 2003/96/EC ngày 27/10/2003 về điều chỉnh khung pháp lý về thuế năng lượng và điện; Điều 4 Luật Thuế xăng dầu và năng lượng của Nhật Bản; Điều 17, 32A Đạo luật về giảm phát thải khí nhà kính.

25 International Carbon Action Partnership, "Switzerland emission trading", https://icapcarbonaction.com/system/files/ets_pdf/icap-etsmap-factsheet-64.pdf, truy cập ngày 27/7/2025.

26 Benard Caillaud, Gabrielle Demange, "Joint design of emission tax and trading systems", *Annals of Economics and Statistics*, No. 127, 2017, tr. 171 – 172, DOI: <https://doi.org/10.15609/annaeconstat2009.127.0163>

27 Khi áp dụng thuế các-bon làm chế tài trong thị trường các-bon, các doanh nghiệp không tuân thủ nghĩa vụ cắt giảm phát thải trong thị trường các-bon phải trả mức thuế các-bon tương đương với lượng KNK không hoàn thành (Điều 13 (7) Luật về hài hòa hóa các quy định về thuế).

cách tiếp cận của Indonesia đã làm mất đi tính ổn định của thuế carbon. Việc mức thuế carbon được xác định bằng giá hạn ngạch/tín chỉ²⁸ làm cho mức thuế carbon dao động dựa trên sự biến động của thị trường. Bên cạnh đó, cách tiếp cận của Indonesia không thể tận dụng được sự ổn định của thuế carbon để thiết lập nên một mức giá carbon bình ổn trong cơ chế định giá kết hợp.²⁹ Trong trường hợp này, thuế carbon chỉ đóng vai trò là một hình thức chế tài cho doanh nghiệp không tuân thủ các quy định trên thị trường carbon. Điều này không có mối liên hệ với việc ổn định giá hạn ngạch/tín chỉ trên thị trường carbon và không thể tạo được hiệu ứng bình ổn giá carbon.³⁰

Vương quốc Anh thiết lập thuế carbon làm mức thuế bổ sung (*top-up tax*) lên các doanh nghiệp được điều chỉnh bởi thị trường carbon,³¹ thông qua đó, thiết lập một mức giá tối thiểu trên thị trường carbon chính là mức thuế carbon.³² Cách tiếp cận này tạo ra một mức giá thống nhất bằng cách xây dựng cách tính giá carbon là mức thuế carbon (đóng vai trò là giá tối thiểu) cộng với mức giá hạn ngạch/tín chỉ trên thị trường carbon, thông qua đó, chỉ tồn tại một tín hiệu giá carbon trên toàn bộ cơ chế. Bên cạnh đó, cách tiếp cận này của Vương quốc Anh đã bổ sung nên một cơ chế để bình ổn giá trên thị trường carbon.³³ Cơ chế giá sàn có thể giúp cho giá hạn ngạch/tín chỉ luôn nằm ở một mức cố định và tránh xảy ra trường hợp thị trường bị sụp đổ giúp doanh nghiệp dễ dàng đưa ra các quyết định đầu tư thích hợp. Sự ổn định thị trường giúp giảm rủi ro cho doanh nghiệp khi thực hiện đầu tư vào các dự án phát thải thấp.

Tuy nhiên, cơ chế này của Vương quốc Anh cũng có một số vấn đề cần phải lưu ý. Trước tiên, mức thuế carbon cần được thiết lập một cách cẩn trọng, do mức thuế carbon trong trường hợp này không chỉ đóng vai trò là thuế carbon mà còn là một loại giá sàn. Nếu như thiết lập mức thuế carbon quá thấp thì tác động của cơ chế này lên việc thúc đẩy hành vi đầu tư vào các dự án phát thải thấp của doanh nghiệp trở nên thiếu hiệu quả. Mức thuế carbon quá cao, vượt mức giá hạn ngạch/tín chỉ cao nhất trên thị trường carbon, sẽ làm cho mọi giao dịch luôn được tính theo mức thuế carbon, từ đó làm mất đi cơ chế thị trường. Điều này làm cho cơ chế định giá carbon kết hợp trở thành một cơ chế thuế carbon đơn thuần.

Cách thức tiếp cận của Vương quốc Anh cũng bị ràng buộc bởi một số phương pháp tránh điều chỉnh hai lần đặc thù. Cụ thể, quốc gia không thể áp dụng một cách tách bạch, riêng lẻ giữa thị trường carbon với thuế carbon theo phương thức giải quyết đầu tiên đã được nêu tại Phần II. Bởi lẽ, để có thể đưa thuế carbon vào trở thành mức giá sàn trên thị trường carbon thì cả thuế carbon và thị trường carbon phải được áp dụng trên cùng một doanh nghiệp. Nếu tách bạch phạm vi áp dụng của thị trường carbon và thuế carbon, hiệu ứng giá sàn sẽ không thể đạt được. Chính vì lý do đó, chỉ có thể áp dụng các biện pháp để giảm tác động của hiện tượng điều chỉnh hai lần thay vì loại bỏ hoàn toàn hiện tượng điều chỉnh hai lần. Chính vì lý do đó, Vương quốc Anh lựa chọn cách thức cấp thuế carbon ưu đãi cho các doanh nghiệp đã hoàn thành nghĩa vụ cắt giảm

28 Điều 13 (9) Luật về hài hòa hóa các quy định về thuế.

29 Brian Murray, William Pizer, Christina Reibert, "Increasing emissions certainty under a carbon tax", *Harvard Environmental Law Review Forum*, số 41, 2017, tr. 14 – 15, <https://journals.law.harvard.edu/elr/wp-content/uploads/sites/79/2017/06/HELRF-2-Murray.pdf>, truy cập ngày 27/7/2025.

30 Weonseek Kim, Jongmin Yu, "The effect of the penalty system on market prices in the Korea ETS", *Carbon Management*, Vol. 9(2), 2018, tr. 146, DOI: <https://doi.org/10.1080/17583004.2018.1440852>

31 Đoạn 42A, mục 6, Đạo luật Tài chính năm 2000.

32 Đoạn 42A, mục 6, Đạo luật Tài chính năm 2000.

33 Peter John Woo and Frank Jotzo, "Price floors for emissions trading", *Energy Policy*, Vol. 39(3), 2011, tr. 1747, DOI: <https://doi.org/10.1016/j.enpol.2011.01.004>

phát thải KNK như mình đã đăng ký thay vì phân biệt rạch ròi phạm vi điều chỉnh giữa thuế carbon với thị trường carbon. Chính vì những điểm trên, việc thiết kế thuế carbon thành giá sàn của thị trường carbon, mặc dù có nhiều lợi ích trong việc tạo ra giá thống nhất và góp phần ổn định giá thị trường carbon, lại rất phức tạp khi thiết kế mô hình.

Việc thiết lập nên một mức giá carbon thống nhất trong mô hình định giá kết hợp là điều cần thiết đối với Việt Nam. Ở những nội dung trước, bài viết này đã chỉ ra rằng, việc lựa chọn thiết lập một mức giá carbon thống nhất không phải là một yêu cầu bắt buộc cho bất kỳ quốc gia, khu vực nào muốn thiết lập cơ chế định giá kết hợp. Tuy nhiên, việc lựa chọn phương pháp này cũng đồng nghĩa với rủi ro chồng lấn về tín hiệu giá, làm giảm khả năng dự đoán và ra quyết định của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Việt Nam chưa thiết lập các cơ chế để kiểm soát giá hạn ngạch/tín chỉ như Thụy Sĩ. Điều này làm Việt Nam không thể có những giải pháp để chủ động ổn định tín hiệu giá carbon. Vì vậy, Việt Nam không thể áp dụng cách tiếp cận tương tự như Nhật Bản, EU và Thụy Sĩ. Vì vậy, Việt Nam sẽ cần phải thiết lập nên các cơ chế cần thiết để xây dựng mức giá carbon thống nhất.

Về các biện pháp cụ thể để thiết lập giá carbon thống nhất, Việt Nam nên áp dụng cách thức của Vương quốc Anh để đưa thuế carbon thành giá sàn trên thị trường carbon. Trước hết, mô hình này đem đến giải pháp cho một vấn đề pháp lý của thị trường carbon Việt Nam, đó chính là thiếu đi một cơ chế để ổn định giá hạn ngạch/tín chỉ. Áp dụng theo cách thức của Vương quốc Anh chính là một lựa chọn phù hợp để giải quyết vấn đề pháp lý của Việt Nam. Thứ hai, các phân tích của bài viết này cũng đã chỉ ra rằng cách áp dụng của Indonesia không phù hợp để áp dụng cho Việt Nam. Việc xác định thuế carbon bằng giá hạn ngạch/tín chỉ trên thị trường carbon sẽ làm cho thuế carbon mất đi tính ổn định của mình. Qua đó, Việt Nam không thể tận dụng thuế carbon để tạo ra sự ổn định cho giá carbon.

Để thực hiện theo mô hình của Vương quốc Anh, Việt Nam cần thực hiện các hoạt động như sau: (i) Xây dựng một mức thuế carbon bổ sung lên các doanh nghiệp thuộc thị trường carbon. Đây chính là cách thiết kế của pháp luật Vương quốc Anh để xây dựng nên mô hình ứng dụng thuế carbon làm giá sàn của thị trường carbon; (ii) Xây dựng nên mức thuế carbon phù hợp. Có thể thấy, việc xây dựng một mức thuế carbon phù hợp để làm giá sàn cần phải trải qua nhiều giai đoạn thẩm định, đánh giá. Theo quan điểm của nhóm tác giả, Việt Nam sẽ cần phải trải qua một giai đoạn thu thập, tổng hợp, thực hiện nghiêm túc MRV và đánh giá số liệu giao dịch thực tế trên thị trường carbon trong nước và quốc tế. ●

Tài liệu tham khảo

- [1] Adetutu Morakinyo, Eleni Stathopoulou, "Information asymmetry in voluntary environmental agreements: Theory and evidence from UK climate change agreements", *Oxford Economic Papers*, Vol. 73(2), 2021, DOI: <https://doi.org/10.1093/oep/gpaa018>
- [2] Akkemik Ali, Jorge Tavares Borges, Phuong Thao Dang, "Assessing carbon tax using a CGE model with firm heterogeneity: An application to Vietnam", *Journal of Environmental Management*, Vol. 365, 2024, DOI: <https://doi.org/10.1016/j.jenvman.2024.121585>
- [3] Baranzini Andrea, Jeroen C. J. M. van den Bergh, Stefano Carattini, Richard B. Howarth, Emilio Padilla, Jordi Roca, "Carbon pricing in climate policy: Seven reasons, complementary instruments, and political economy considerations", *WIREs Climate Change*, Vol. 8(4), 2017, DOI: <https://doi.org/10.1002/wcc.462>
- [4] Caillaud Benard, Gabrielle Demange, "Joint design of emission tax and trading systems", *Annals of Economics and Statistics*, No. 127, 2017, DOI: <https://doi.org/10.15609/annaeconstat2009.127.0163>

- [5] Do Thang Nam, Paul J. Burke, “Carbon pricing in Vietnam: Options for adoption”, *Energy and Climate Change*, Vol. 2, 2021, DOI: <https://doi.org/10.1016/j.egycc.2021.100058>
- [6] Kim Weonseek, Jongmin Yu, “The effect of the penalty system on market prices in the Korea ETS”, *Carbon Management*, Vol. 9(2), 2018, DOI: <https://doi.org/10.1080/17583004.2018.1440852>
- [7] Mandaroux Rahel, Kai Schindelhauer, Houdou Basse Mama, “How to reinforce the effectiveness of the EU emissions trading system in stimulating low-carbon technological change? Taking stock and future directions”, *Energy Policy*, Vol. 181, 2023, DOI: <https://doi.org/10.1016/j.enpol.2023.113697>
- [8] Mandell Svante, “Optimal mix of emissions taxes and cap-and-trade”, *Journal of Environmental Economics and Management*, Vol. 56, 2008, DOI: <https://doi.org/10.1016/j.jeem.2007.12.004>
- [9] Mayr Kentaro Florian, Paolo Agnolucci, “Heterogeneous impacts in voluntary agreements: A changes-in-changes approach to the UK climate change agreements”, *Environmental and Resource Economics*, Vol. 86, 2023, DOI: <https://doi.org/10.1007/s10640-023-00797-z>
- [10] Murray Brian, William Pizer, Christina Reibert, “Increasing emissions certainty under a carbon tax”, *Harvard Environmental Law Review Forum*, No. 41, 2017
- [11] Nguyen Phuong Thao, “Simulating the environmental and economic effects of a carbon tax in Vietnam: A static computable general equilibrium analysis” *Management of Environmental Quality: An International Journal*, Vol. 34(6), 2023, DOI: <https://doi.org/10.1108/MEQ-01-2023-0001>
- [12] Nhut Le Minh, Nguyen Hong Thao, Nguyen Chinh Quang, Phung Hong Thanh, “Carbon market and Vietnam’s legal framework choice for greenhouse gas mitigation measures”, Hội thảo quốc tế: *Thị trường carbon: Kinh nghiệm quốc tế và khuyến nghị cho Việt Nam*, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, 2025 [trans International Conference, *Carbon Market: International experience and lessons for Vietnam*, Ho Chi Minh City University of Law, 2025]
- [13] Pan Jingjing, Jamie L. Cross, Xiaomin Zou, Bo Zhan, “To tax or to trade? A global review of carbon emissions reduction strategies”, *Energy Strategy Review*, Vol. 55, 2024, DOI: <https://doi.org/10.1016/j.esr.2024.101508>
- [14] Parry Ian W.H., Mr. Simon Black, and Karlygash Zhunussova, “Carbon taxes or emissions trading systems?: Instrument choice and design”, *Staff Climate Notes*, Vol. 2022(006), 2022, DOI: <https://doi.org/10.5089/9798400212307.066>
- [15] Rosenbloom Daniel, Jochen Markard, Frank W Geels and Lea Fuenfschilling, “Why carbon pricing is not sufficient to mitigate climate change – And how “sustainability transition policy” can help”, *PNAS*, Vol. 117, 2020, DOI: <https://doi.org/10.1073/pnas.2004093117>
- [16] Sijm J. P. M., A. W. N. van Dril, *The interaction between the EU emissions trading scheme and energy policy instruments in the Netherlands: Implications of the EU Directive for Dutch climate policies*, Research funded by the European Commission under the Project “Interaction in EU Climate Policy”, 2003
- [17] Verde Stefano F., Isabella Alloisio and Simone Borghesi, “The EU ETS and its companion policies: Any insight for China’s ETS?”, *Environment and Development Economics*, Vol. 26(3), 2021, DOI: <https://doi.org/10.1017/S1355770X20000595>
- [18] Wang Hanting, Yuxuan Li and Guoqin Bu, “How carbon trading policy should be integrated with carbon tax policy – Laboratory evidence from a model of the current state of carbon pricing policy in China”, *Environmental Science and Pollution Research*, Vol. 30, 2023, DOI: <https://doi.org/10.1007/s11356-022-23787-y>
- [19] Woo Peter John and Frank Jotzo, “Price floors for emissions trading”, *Energy Policy*, Vol. 39(3), 2011, DOI: <https://doi.org/10.1016/j.enpol.2011.01.004>
- [20] Zeng Yingyin, “Indirect double regulation and the carbon ETSs linking: The case of coal-fired generation in the EU and China”, *Energy Policy*, Vol. 111, 2017, DOI: <https://doi.org/10.1016/j.enpol.2017.09.038>
- [21] Zhang Bo, Mingyan He, Haoran Pan, “A study on the design of a hybrid policy for carbon abatement”, *Chinese Journal of Population Resources and Environment*, Vol. 15(1), 2017, DOI: <https://doi.org/10.1080/10042857.2016.1258804>
- [22] Zhang Yongqiang, Lingli Qi, Xinyue Lin, Haoran Pan, Basil Sharp, “Synergistic effect of carbon ETS and carbon tax under China’s peak emission target: A dynamic CGE analysis”, *Science of the Total Environment*, Vol. 825, 2022, DOI: <https://doi.org/10.1016/j.scitotenv.2022.154076>
- [23] Zhang Zhe, Aizhen Zhang, Daoping Wang, Aijun Li, Huixuan Song, “How to improve the performance of carbon tax in China?”, *Journal of Cleaner Production*, Vol. 142(4), 2017, DOI: <https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2016.11.078>